

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 01/HALICO/2022**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân:

**CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Địa chỉ: 94 LÒ ĐÚC, PHƯỜNG PHẠM ĐÌNH HỒ, QUẬN HAI BÀ TRUNG,  
HÀ NỘI

Điện thoại : 824.39763763

Fax: 824.39783575

Di động : 0904.318.054

E-mail : cuongth@halico.com.vn/yenclh@halico.com.vn

Mã số doanh nghiệp : 0100102245

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **CÒN THỰC PHẨM TINH CHẾ**

2. Thành phần: Cồn chưng cất từ tinh bột (gạo, ngô, sắn...) lên men

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: không có hạn sử dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm chứa trong các tank Inox 354, nhựa PET, HDPE.

Thể tích thực: không giới hạn.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: KCN Yên Phong, Long Châu, Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam



### III. Mẫu nhãn sản phẩm

# CỒN THỰC PHẨM TINH CHẾ HALICO ETHANOL 96% vol

**Thành phần chính:**  
Cồn chưng cất từ tinh bột lên men  
Số TCCS: **01/HALICO**

Thể tích thực  
**500 m<sup>3</sup>**  
INOX 354 TANK



Sản xuất bởi Halico  
**CÔNG TY CP RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**  
94 Lò Đúc - Hai Bà Trưng - Hà Nội - Việt Nam

010224  
CÔNG TY  
CÓ PHẦN  
RƯỢU  
GIẢI KHÁT  
HÀ NỘI  
TRUNG - T.



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: quy chuẩn kỹ thuật: QCVN 6-3:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn

##### 1. Chỉ tiêu kỹ thuật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Etanol ở 20°C	%V/V	≥ 96
2	Hàm lượng acid tổng số, tính theo mg acid acetic/l cồn 100°	mg/l	≤ 15
3	Hàm lượng Ester, tính theo mg Ethyl acetate/l cồn 100°	mg/l	≤ 13
4	Hàm lượng aldehyde, tính theo mg acetaldehyde/l cồn 100°	mg/l	≤ 5
5	Hàm lượng rượu bậc cao, tính theo methyl 2-propanol mg/l cồn 100°	mg/l	≤ 5
6	Hàm lượng methanol, mg/l cồn 100°	mg/l	≤ 300
7	Hàm lượng chất khô, mg/l cồn 100°	mg/l	≤ 15
8	Hàm lượng các chất dễ bay hơi chứa Nitơ, mg/l cồn 100°	mg/l	≤ 1
9	Hàm lượng Furfual	mg/l	Không phát hiện

##### 2. Chỉ tiêu an toàn theo QĐ 46/2007/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì (pB)	mg/L	0.5

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

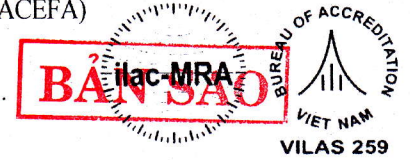
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2022.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC  
*Trần Hậu Cường*



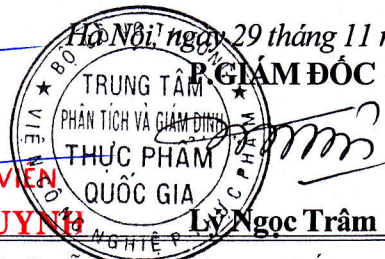
Số: 1122013-18/PKQ

**PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Tên mẫu: **Cồn thực phẩm tinh chế 96% vol**  
Mô tả mẫu: **Mẫu đóng trong can 2 lít, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng**  
Số lượng mẫu: **01**  
Khách hàng: **Công ty Cổ phần Rượu và Nước giải khát Hà Nội**  
Địa chỉ: **Số 94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**  
Ngày nhận mẫu: **11/11/2022**  
Thời gian thử nghiệm: **11/11/2022 – 28/11/2022**  
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01	Độ cồn	°V/20°C	96	TCVN 8008 : 2009 (FIRI.M.209)
02*	Acid tổng số (tính theo acetic acid)	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	2,40	TCVN 8012 : 2009
03*	Hàm lượng Ester (Tính theo ethyl acetate)	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 1,5mg/L)	AOAC 972.10
04*	Hàm lượng Aldehyt (Tính theo acetaldehyt)	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 0,5mg/L)	TCVN 8009:2009
05	Hàm lượng rượu bậc cao (tính theo Methyl 2 propanol )	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 3mg/L)	FIRI.M.040 (Ref AOAC 972.11)
06*	Hàm lượng Methanol	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 5mg/L)	AOAC 972.11
07	Hàm lượng chất khô	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 2mg/L)	AOAC 920.47
08	Hàm lượng chất dễ bay hơi có chứa Nitơ	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 0,7mg/L)	Ref: TCVN 3706 : 1990
09	Hàm lượng Furfurol	mg/L cồn 100 <sup>0</sup> V	KPH (LOD = 0,2mg/L)	TCVN 7886:2009
10	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD = 0,005 mg/L)	AOAC 999.11

**Ghi chú:** KPH= Không phát hiện; Nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử - LOD



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (\*) : là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (\*\*): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.